

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng
2. Ông Nguyễn Đăng Khoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 133/2025/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Ấp 1, xã Phước T, huyện C, tỉnh Long An (*có mặt*).

- *Bị đơn:* Anh Trần Nam P, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: Ấp 1, xã Phước T, huyện C, tỉnh Long An (*có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/3/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương L trình bày: Chị và anh P cưới nhau vào năm 2015, hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 24/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Phước T, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2024 phát sinh mâu thuẫn do anh P ghen tuông vô cớ, có nhiều lời lẽ xúc phạm chị, từ đó vợ chồng cãi vã, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Đầu năm 2025 chị có nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng anh P hứa thay đổi nên chị đã rút đơn lại, tuy nhiên sau khi chị rút

đơn anh P không thay đổi mà vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn. Vợ chồng đã chính thức ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Trần Phở D, sinh ngày 17/12/2015 hiện đang sống với anh P. Do cháu Du có nguyện vọng muốn sống chung với anh P nên sau ly hôn chị yêu cầu để anh P tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại tờ tường trình ngày 06/5/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Nam P trình bày: Về thời gian cưới, đăng ký kết hôn, thời gian vợ chồng ly thân đúng như chị L trình bày. Về nguyên nhân mâu vợ chồng theo anh P giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, do anh thấy chị L có nhắn tin với người khác nên anh mới nói nặng lời với chị nhưng chỉ là lúc anh nóng giận nhất thời. Thời gian qua anh đã cố gắng thuyết phục chị L để vợ chồng hàn gắn cùng lo cho con nhưng chị L luôn lẩn tránh, không cho anh cơ hội. Nay anh nhận thấy bản thân không thay đổi được suy nghĩ của chị L, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn với chị L. Anh đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Trần Phở D, anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Anh P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Vụ án đã được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Phương L và anh Trần Nam P có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân xã Phước T, huyện C, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61/2016 vào ngày 24/10/2016 nên hôn nhân là hợp pháp.

[1.2] Anh Trần Nam P là bị đơn, hiện nay đang cư trú tại ấp 1, xã Phước T, huyện C nên khi chị L có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Anh P có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung tranh chấp: Chị L và anh P cưới nhau vào năm 2015, sau một thời gian chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L và anh P thừa nhận đều do thiếu sự tin tưởng lẫn nhau dẫn đến việc ghen tuông, cãi vã, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc và tình nghĩa vợ chồng ngày một phai nhạt. Cả chị L và anh P đều không tìm được biện pháp để khắc phục dẫn đến sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Chị L kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh P. Anh P cố gắng thuyết phục chị L nhưng không kết quả và sau khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì anh P mới đồng ý ly hôn với chị L và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, có đủ căn cứ để chứng minh mâu thuẫn giữa chị L và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Phương L được ly hôn với anh Trần Nam P.

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Giữa chị L và anh P có 01 con chung tên Trần Phổ D, sinh ngày 17/12/2015 hiện đang sống với anh P. Xét thấy hiện con chung đang sống với anh P đã ổn định, con chung cũng có nguyện vọng muốn sống với anh P nên việc chị L và anh P đều yêu cầu để anh P tiếp tục được nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc yêu cầu anh P trực tiếp nuôi con chung. Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thăm nom chăm sóc con được thực hiện theo điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, anh P không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh P đều trình bày không có nên không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nguyễn Thị Phương L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương L đối với anh Trần Nam P.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương L được ly hôn với anh Trần Nam P.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: anh P được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Trần Phổ D, sinh ngày 17/12/2015, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018391 ngày 27/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Phước T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang

